



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

M.S.A.

M.S.A.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 27 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 1.4 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 1.857.540 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: 12.249.193 triệu VND).

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các Cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đính kèm. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Thảo Nguyễn*

Hưng Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2023





KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 6 đến trang 66.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00118-23-2



Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3065-2019-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2023**

Phan Mỹ Linh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>84.903.568.227.057</b>	<b>80.514.710.854.456</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>13.252.855.086.239</b>	<b>8.324.588.920.227</b>
Tiền	111		4.042.254.726.239	3.458.049.733.104
Các khoản tương đương tiền	112		9.210.600.360.000	4.866.539.187.123
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.848.207.160.936</b>	<b>26.268.246.676.354</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	22.848.207.160.936	26.268.246.676.354
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.298.660.297.800</b>	<b>9.892.869.502.309</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	5.074.907.261.733	2.958.587.125.337
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	12	7.165.317.196.380	5.366.254.068.739
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	15	198.994.978.279	124.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.1	1.900.389.975.820	1.482.978.249.031
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(42.381.441.831)	(41.074.336.139)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.432.327.419	1.924.395.341
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>32.001.578.654.651</b>	<b>34.491.111.096.123</b>
Hàng tồn kho	141		32.260.969.330.532	35.727.277.739.296
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(259.390.675.881)	(1.236.166.643.173)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.502.267.027.431</b>	<b>1.537.894.659.443</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20.1	364.993.917.561	320.077.470.557
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.045.361.341.976	1.117.646.951.943
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	91.911.767.894	100.170.236.943

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>91.339.753.512.384</b>	<b>89.820.810.782.676</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>898.908.678.011</b>	<b>894.484.456.379</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	15	101.693.561.714	101.693.561.714
Phải thu dài hạn khác	216	13.2	797.215.116.297	792.790.894.665
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.933.857.375.679</b>	<b>70.832.915.657.865</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	68.318.899.622.573	70.199.153.681.536
Nguyên giá	222		100.244.350.719.548	98.976.369.133.844
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.925.451.096.975)	(28.777.215.452.308)
Tài sản cố định vô hình	227	17	614.957.753.106	633.761.976.329
Nguyên giá	228		743.532.132.714	744.538.077.973
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(128.574.379.608)	(110.776.101.644)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>18</b>	<b>611.516.027.140</b>	<b>629.111.776.960</b>
Nguyên giá	231		859.667.015.615	859.667.015.615
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(248.150.988.475)	(230.555.238.655)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.615.226.226.452</b>	<b>13.363.274.912.355</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		32.312.452.555	28.953.988.212
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	16.582.913.773.897	13.334.320.924.143
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.279.545.205.102</b>	<b>4.100.323.979.117</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	20.2	4.015.522.196.267	3.929.243.956.403
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	182.064.019.491	83.071.062.718
Lợi thế thương mại	269	22	81.958.989.344	88.008.959.996
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>176.243.321.739.441</b>	<b>170.335.521.637.132</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>78.383.030.678.319</b>	<b>74.222.582.021.349</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>68.684.638.366.804</b>	<b>62.385.392.809.685</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	13.109.242.135.365	11.107.162.924.326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	474.991.364.466	860.793.139.245
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	603.750.905.856	648.407.591.981
Phải trả người lao động	314		200.725.745.136	306.208.839.467
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26.1	559.342.319.680	460.508.546.638
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		33.818.576.170	16.974.936.888
Phải trả ngắn hạn khác	319	27.1	360.954.142.136	418.512.269.668
Vay ngắn hạn	320	28.1	51.748.268.155.863	46.748.670.400.471
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	5.330.870.808	5.198.833.687
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	1.588.214.151.324	1.812.955.327.314
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.698.392.311.515</b>	<b>11.837.189.211.664</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	26.2	652.213.132.506	531.620.146.455
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.109.316.288	4.109.316.288
Phải trả dài hạn khác	337	27.2	60.855.213.078	61.033.120.562
Vay dài hạn	338	28.2	8.878.939.971.816	11.151.651.204.402
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		30.276.945.037	31.207.164.756
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	71.997.732.790	57.568.259.201

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>97.860.291.061.122</b>	<b>96.112.939.615.783</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>31</b>	<b>97.860.291.061.122</b>	<b>96.112.939.615.783</b>
Vốn cổ phần	411	32	58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.147.857.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.211.560.416.270
Chênh lệch tỷ giá	417		(28.467.031.863)	(20.652.355.005)
Quỹ đầu tư phát triển	418		823.554.378.850	834.782.434.216
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.628.765.721.538	33.833.829.973.987
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		33.791.225.833.238	25.350.319.419.956
- LNST kỳ này/năm nay	421b		1.837.539.888.300	8.483.510.554.031
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		77.020.576.327	105.562.146.315
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>176.243.321.739.441</b>	<b>170.335.521.637.132</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Châu Nguyễn

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	56.664.947.240.432	82.118.437.940.950
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	579.812.075.130	638.236.652.907
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>34</b>	<b>56.085.135.165.302</b>	<b>81.480.201.288.043</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	35	51.213.711.100.123	64.832.252.659.743
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.871.424.065.179</b>	<b>16.647.948.628.300</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	1.636.393.994.810	1.430.886.487.731
Chi phí tài chính	22	37	2.671.995.555.847	3.143.873.353.144
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.018.155.811.047</i>	<i>1.314.285.612.778</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		-	(1.072.667.584)
Chi phí bán hàng	25	38	1.016.796.529.360	1.314.337.802.590
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	612.115.517.362	382.550.998.262
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>2.206.910.457.420</b>	<b>13.237.000.294.451</b>
Thu nhập khác	31	40	337.038.356.678	443.741.263.514
Chi phí khác	32	41	310.019.070.565	379.297.212.730
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>27.019.286.113</b>	<b>64.444.050.784</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.233.929.743.533</b>	<b>13.301.444.345.235</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43	502.798.472.160	884.407.278.776
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	43	(99.923.176.491)	188.133.329.770
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.831.054.447.864</b>	<b>12.228.903.736.689</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> (chuyển sang từ trang trước) (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.831.054.447.864	12.228.903.736.689
<b>Phân bổ:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		1.857.539.888.300	12.249.192.668.750
Cổ đông không kiểm soát	62		(26.485.440.436)	(20.288.932.061)
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	303	2.103

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Xuân Mai  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Thị Thảo Nguyên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023  
(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.233.929.743.533</b>	<b>13.301.444.345.235</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		3.310.540.740.587	3.354.741.889.064
Phân bổ lợi thế thương mại	02		6.049.970.652	2.994.000.000
Các khoản dự phòng	03		(960.907.350.890)	533.082.689.427
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		116.482.840.691	794.032.035.099
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.110.131.416.958)	(904.119.762.298)
Chi phí lãi vay	06		2.018.155.811.047	1.314.285.612.778
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.614.120.338.662</b>	<b>18.396.460.809.305</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(4.545.821.627.445)	(1.301.588.124.248)
Biến động hàng tồn kho	10		3.462.949.944.421	(15.939.831.125.702)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.705.397.591.240	4.170.672.867.488
Biến động chi phí trả trước	12		(62.490.740.317)	(221.338.211.222)
			<b>6.174.155.506.561</b>	<b>5.104.376.215.621</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.031.501.798.202)	(1.304.548.288.324)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(416.492.334.827)	(853.452.517.136)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(297.803.456.356)	(651.772.680.253)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.428.357.917.176</b>	<b>2.294.602.729.908</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.617.958.292.150)	(9.767.110.600.568)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		12.978.787.566	10.647.788.330
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.966.517.793.411)	(30.114.112.720.759)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		23.311.762.330.550	22.345.713.287.488
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		1.109.651.121.232	769.161.274.453
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.150.083.846.213)</b>	<b>(16.755.700.971.056)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		500.000.000	1.825.000.000
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	32		(1.750.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		59.997.321.960.013	84.322.344.324.654
Tiền trả nợ gốc vay	34		(57.343.207.893.129)	(71.972.390.957.715)
Tiền trả cổ tức	36		(377.118.881)	(12.754.489.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.652.486.948.003</b>	<b>12.339.023.877.839</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.930.761.018.966</b>	<b>(2.122.074.363.309)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>8.324.588.920.227</b>	<b>22.471.375.562.130</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(2.494.852.954)</b>	<b>(24.103.176.709)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>13.252.855.086.239</b>	<b>20.325.198.022.112</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Thảo Nguyễn

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

### **1.2 Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện bằng kim loại;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải, khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox;
- Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao;
- Ủy thác xuất – nhập khẩu;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương; và
- Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**1.4 Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có các công ty con sau:

<b>STT</b>	<b>Công ty con cấp 1</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn 30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
1	Công ty CP Gang thép Hòa Phát (i)	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh thép xây dựng và các hoạt động phụ trợ.	99,999%	99,998%
2	Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh ống thép, tôn mạ màu và các hoạt động phụ trợ.	99,994%	99,994%
3	Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; trồng trọt; các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, sau thu hoạch; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
4	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản và các hoạt động phụ trợ.	99,967%	99,967%
5	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy – gia dụng.	99,900%	99,900%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn
			30/6/2023
1	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,958%
2	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,997%
3	Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang, khai thác quặng sắt; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất mua bán than cốc và các ngành nghề liên quan khác.	99,998%
4	Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,998%
5	Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	Vận tải hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa và viễn dương.	99,518%
6	Công ty CP Đầu tư nước ngoài Hòa Phát (trước đây là Công ty CP Khoáng sản Bắc Úc)	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.	99,971%
7	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,969%
8	Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh các loại tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ lạnh.	99,994%
9	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,734%
10	Công ty TNHH Chế tạo Kim loại Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,910%
11	Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh Container.	99,794%
12	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch.	99,916%
13	Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt.	99,974%
14	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	30/6/2023	1/1/2023
15	Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát	Chăn nuôi gia cầm.	99,999%	99,999%	99,999%
16	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,936%	99,936%	99,936%
17	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,867%	99,867%	99,867%
18	Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,930%	99,930%	99,930%
19	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thành phố mới	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,967%	99,967%	99,967%
20	Công ty CP phát triển đô thị Hòa Phát Yên Mỹ	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, kinh doanh bất động sản.	99,867%	99,867%	99,867%
21	Công ty CP phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Phúc	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,867%	99,867%	99,867%
22	Công ty CP phát triển đô thị Hòa Phát Bắc Giang (iii)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	-	-	99,867%
23	Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát Hà Nam	Đầu tư, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện máy, gia dụng.	99,800%	99,800%	99,800%
24	Công ty CP Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ	Sản xuất tủ đông, tủ mát.	99,800%	99,800%	99,800%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2023	1/1/2023
1	Công ty TNHH MTV Bình Vàng	Khai thác quặng sắt, khai thác kim loại khác không chứa sắt, sản xuất kim loại màu và kim loại quý, khai thác quặng kim loại quý hiếm.	99,958%	99,958%
2	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,379%	98,379%
3	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,887%	99,887%
4	Công ty CP Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,988%	99,988%
5	Công ty CP Ống thép Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,983%	99,985%
6	Công ty CP Tôn Hòa Phát Dung Quất	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,988%	99,988%
7	Hoa Phat Trading International Pte Ltd.	Kinh doanh thương mại sắt, thép, gang.	99,998%	99,998%
8	Công ty CP Cảng Tổng hợp Hòa Phát	Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.	99,998%	99,998%
9	Công ty TNHH Harmonia	Dịch vụ khách sạn.	99,998%	99,998%
10	Công ty TNHH MTV Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,998%	99,998%
11	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa.	99,968%	99,968%
12	Dragon Resource Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối hàng hóa; hoạt động vận tải, đại lý vận tải.	99,971%	99,971%
13	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	99,969%	99,969%
14	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,969%	99,969%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2023	1/1/2023
15	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,946%	99,946%
16	Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,969%	99,969%
17	Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát Long An	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,959%	99,959%
18	Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	99,910%	99,910%
19	Công ty TNHH Chế tạo Cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,923%	99,864%
20	Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang.	99,910%	99,910%
21	Công ty TNHH Phụ kiện Cơ khí Hòa Phát	Sản xuất phụ kiện cơ khí.	99,910%	99,910%
22	Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Phát Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	99,936%	99,936%
23	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	99,936%	99,936%
24	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	99,926%	99,926%
25	Công ty CP Xây dựng Long Việt	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	99,736%	99,736%
26	Công ty CP Phát triển Đô thị mới Phú Thọ (ii)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê.	64,939%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Công ty con cấp 3	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2023	1/1/2023
27	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,999%	99,999%
28	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ	Sản xuất thức ăn chăn nuôi.	99,999%	99,999%
29	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	72,659%	72,659%
30	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	99,916%	99,916%
31	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt.	99,916%	99,916%
32	Dragon Trading and Investment Pty Ltd.	Xuất, nhập khẩu, mua bán, phân phối gia súc, gia cầm, sản phẩm nông nghiệp khác, quặng, than, sắt thép.	99,916%	99,916%
33	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,916%	99,916%
34	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
35	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
36	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
37	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,974%	99,974%
38	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Chăn nuôi heo giống và heo thịt.	99,972%	99,972%
39	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác.	99,999%	99,999%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

STT	Công ty con cấp 4	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2023	1/1/2023
1	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	95,197%	95,197%
2	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lữ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,826%	99,826%
3	Northern Territory Iron Ore Pty Ltd,	Thăm dò, khai thác khoáng sản.	99,971%	99,971%
4	Công ty CP Phát triển đô thị Mỹ Hòa	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	99,826%	99,826%
<hr/>				
STT	Công ty con cấp 5	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn	
			30/6/2023	1/1/2023
1	Công ty TNHH Kinh doanh Dịch vụ Bảo vệ Hà Nội	Dịch vụ bảo vệ.	95,197%	95,197%



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Ngày 15 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 6.500.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã góp 890.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại sẽ được góp theo kế hoạch được duyệt.
- (ii) Đây là công ty con mới thành lập trong năm.
- (iii) Đây là công ty đã giải thể trong năm.

Các công ty con của Tập đoàn đều được thành lập tại Việt Nam, trừ Hoa Phat Trading International Pte Ltd. được thành lập tại Singapore, Dragon Resource Investment Pty Ltd., Dragon Trading and Investment Pty Ltd., và Northern Territory Iron Ore Pty Ltd. được thành lập tại Úc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có 27.525 nhân viên (1/1/2023: 28.535 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3.1 Cơ sở hợp nhất**

**(a) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(c) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(e) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3.12). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**(f) Mua tài sản**

Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Việc mua công ty con không được coi là giao dịch hợp nhất kinh doanh nếu công ty con không có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả có thể xác định riêng rẽ trong nhóm tài sản đó dựa trên giá trị hợp lý tương ứng tại ngày mua, và không có lợi thế thương mại được ghi nhận.

**3.2 Ngoại tệ**

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(b) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **3.4 Các khoản đầu tư**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### **3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

*Hàng tồn kho được sản xuất và để bán*

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai*

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các chi phí trực tiếp khác và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

### **3.7 Tài sản cố định hữu hình**

#### **(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11(b)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### **(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	1 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	1 – 30 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 12 năm
▪ vật nuôi	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 12 năm

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.8 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

**3.9 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn xác định không được khấu hao.

**3.10 Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh (i) các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình và (ii) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc chăn nuôi lợn giống đang lớn và chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, lắp đặt và trong giai đoạn lợn giống chưa sẵn sàng tạo ra sản phẩm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(b) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn**

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(c) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(d) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

**(e) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân bổ theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**3.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **3.14 Dự phòng**

Ngoại trừ những khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### ***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

### **3.15 Vốn cổ phần**

#### **(a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **3.16 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.17 Doanh thu và thu nhập khác**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(c) Doanh thu cho thuê lại đất thuê**

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời gian cho thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

**(d) Doanh thu cho thuê**

Trừ trường hợp được mô tả trong mục 3.17(c) doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(e) Doanh thu bán căn hộ**

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm hoàn thành bàn giao căn hộ.

**(f) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập từ lãi tiền gửi trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được bù trừ với chi phí đi vay đủ điều kiện vốn hóa, sau khi bù trừ phần chênh lệch còn lại được ghi giảm giá trị đầu tư.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**3.18 Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**3.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**3.20 Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan của Tập đoàn.

**3.22 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thức ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Ngoại trừ thay đổi tại Thuyết minh 1.4, không có thay đổi đáng kể nào khác trong cơ cấu của Tập đoàn trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**8. Báo cáo bộ phận**

**8.1 Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất và kinh doanh thép: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Nông nghiệp: chăn nuôi lợn, bò, gia cầm; hoạt động dịch vụ chăn nuôi; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp; các ngành phụ trợ liên quan khác; và
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	52.429.026.513.539	3.066.479.674.348	589.628.977.415	-	56.085.135.165.302
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.528.166.488.108	961.838.700	41.833.663.847	(6.570.961.990.655)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>58.957.193.001.647</b>	<b>3.067.441.513.048</b>	<b>631.462.641.262</b>	<b>(6.570.961.990.655)</b>	<b>56.085.135.165.302</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.527.235.430.733	(45.539.308.976)	284.105.060.695	(558.890.725.032)	2.206.910.457.420
Thu nhập khác	335.234.157.797	1.049.324.943	1.039.377.789	(284.503.851)	337.038.356.678
Chi phí khác	(298.740.107.091)	(921.247.308)	(10.357.717.765)	1.599	(310.019.070.565)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(401.115.449.614)	(15.944.411.772)	(85.738.610.774)	-	(502.798.472.160)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	42.875.128.226	(1.239.039.066)	5.451.906.900	52.835.180.431	99.923.176.491
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>	<b>2.205.489.160.051</b>	<b>(62.594.682.179)</b>	<b>194.500.016.845</b>	<b>(506.340.046.853)</b>	<b>1.831.054.447.864</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Tài sản của bộ phận	232.600.531.346.391	4.616.698.001.325	8.090.621.354.871	(69.064.528.963.146)	176.243.321.739.441
Nợ phải trả của bộ phận	80.255.182.460.542	1.252.949.146.500	1.459.299.219.018	(4.584.400.147.741)	78.383.030.678.319
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Chi tiêu vốn	5.371.638.605.687	230.942.972.924	19.647.629.374	(4.270.915.835)	5.617.958.292.150
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	3.003.555.734.715	268.661.560.116	31.738.821.095	(17.584.682.269)	3.286.371.433.657
Khấu hao tài sản cố định vô hình	17.592.077.445	206.200.519	-	-	17.798.277.964
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	19.383.888.264	3.724.973.388	-	(888.349.760)	22.220.511.892





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	78.016.787.170.389	3.325.031.739.086	138.382.378.568	-	81.480.201.288.043
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	14.392.095.895.728	281.166.570	21.212.910.337	(14.413.589.972.635)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>92.408.883.066.117</b>	<b>3.325.312.905.656</b>	<b>159.595.288.905</b>	<b>(14.413.589.972.635)</b>	<b>81.480.201.288.043</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	13.800.674.487.208	(25.377.412.984)	118.006.629.272	(655.230.741.461)	13.238.072.962.035
Thu nhập khác	439.622.178.855	3.714.503.983	429.056.177	(24.475.501)	443.741.263.514
Chi phí khác	(382.131.900.192)	(1.879.296.554)	606.082.705	4.107.901.311	(379.297.212.730)
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	3.105.560	(1.072.667.584)	-	(3.105.560)	(1.072.667.584)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(840.556.823.029)	(14.915.618.050)	(28.934.837.697)	-	(884.407.278.776)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	25.478.521.769	(3.098.778.298)	2.270.553.777	(212.783.627.018)	(188.133.329.770)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>	<b>13.043.089.570.171</b>	<b>(42.629.269.487)</b>	<b>92.377.484.234</b>	<b>(863.934.048.229)</b>	<b>12.228.903.736.689</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Sản xuất và kinh doanh thép VND	Nông nghiệp VND	Bất động sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>					
Tài sản của bộ phận	164.480.959.635.592	5.494.788.455.690	8.245.189.656.011	(7.885.416.110.161)	170.335.521.637.132
Nợ phải trả của bộ phận	78.026.736.749.444	2.056.900.663.753	1.804.693.949.761	(7.665.749.341.609)	74.222.582.021.349
<b>Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Chi tiêu vốn	9.604.274.452.761	150.712.201.736	15.771.657.214	(3.647.711.143)	9.767.110.600.568
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	3.029.361.094.687	297.166.554.261	30.732.517.437	(17.460.891.769)	3.339.799.274.616
Khấu hao tài sản cố định vô hình	10.294.862.672	202.507.010	33.750.000	1.324.303.438	11.855.423.120
Phân bổ chi phí đất trả trước dài hạn	25.476.329.979	-	-	(326.156.070)	25.150.173.909

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8.2 Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Ban Giám đốc xác định bộ phận bao gồm Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Việt Nam VND	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Châu Úc VND	Châu Phi VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	41.788.707.758.499	7.071.363.140.633	6.073.482.632.412	811.872.361.526	311.551.114.303	28.158.157.929	56.085.135.165.302

---

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Việt Nam VND	Châu Á VND	Châu Âu VND	Châu Mỹ VND	Châu Úc VND	Châu Phi VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	61.320.199.219.183	13.140.733.280.366	2.757.351.429.918	3.720.717.966.593	141.024.301.426	400.175.090.557	81.480.201.288.043



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	12.326.120.477	16.256.228.796
Tiền gửi ngân hàng	4.029.872.648.762	3.218.311.462.148
Tiền đang chuyển	55.957.000	223.482.042.160
Các khoản tương đương tiền	9.210.600.360.000	4.866.539.187.123
	<b>13.252.855.086.239</b>	<b>8.324.588.920.227</b>

**9.1 Tiền và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ**

	<b>30/6/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	30.324.413	709.758.983.162	30.460.731	715.764.020.461
Đồng Euro (“EUR”)	8.801	218.017.885	840.482	19.955.619.269
Đô la Úc (“AUD”)	1.565.785	24.818.273.328	8.163	146.871.923
Nhân dân tệ (“CNY”)	2.400	8.228.900	945	3.146.850
Đô la Singapore (“SGD”)	176.630	3.110.689.738	4.380	75.361.682
		<b>737.914.193.013</b>		<b>735.945.020.185</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	22.848.207.160.936	22.848.207.160.936	26.268.246.676.354	26.268.246.676.354

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng, hưởng lãi suất từ 5,2% đến 11,5%/năm (1/1/2023: từ 2,95% đến 11,60%/năm).

Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm 203,1 tỷ VND được dùng để làm tài sản đảm bảo tại các ngân hàng cho việc sử dụng hạn mức tín dụng của Tập đoàn (1/1/2023: 5,7 tỷ VND).

**11. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Marcegaglia Carbon Steel	1.125.266.344.553	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	266.891.039.140	-
Các khách hàng khác	3.682.749.878.040	2.958.587.125.337
	<b>5.074.907.261.733</b>	<b>2.958.587.125.337</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, phải thu khách hàng ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 1.242 tỷ VND (1/1/2023: 536 tỷ VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**12. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Primetals Technologies Japan, Ltd.	846.801.067.898	835.873.879.418
WISDRI Engineering & Research Incorporation Limited	1.510.115.799.863	1.471.610.192.280
EMPIRIC TRADING - FZCO	954.912.603.141	-
Các nhà cung cấp khác	3.853.487.725.478	3.058.769.997.041
	<b>7.165.317.196.380</b>	<b>5.366.254.068.739</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải thu khác**

**13.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	686.029.442.895	641.212.190.371
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	702.052.618.175	335.273.941.954
Tạm ứng cho bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	255.304.225.438	86.431.185.055
Ký cược, ký quỹ	141.713.324.334	143.419.634.515
Thuế nhập khẩu nộp trước	34.651.971.697	174.227.326.070
Phải thu khác	80.638.393.281	102.413.971.066
	<b>1.900.389.975.820</b>	<b>1.482.978.249.031</b>

(\*) Đây là khoản tiền hỗ trợ bồi thường cho người dân liên quan tới việc thu hồi đất để thực hiện các dự án Khu đô thị và Khu công nghiệp theo các phương án đã được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân các huyện có đất được thu hồi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**13.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	797.215.116.297	792.790.894.665



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.860.119.830.538	(6.518.766.329)	1.346.127.360.014	(12.439.054.970)
Nguyên vật liệu	15.002.091.875.844	(4.168.670.502)	16.409.046.019.836	(368.537.012.356)
Công cụ và dụng cụ	1.939.798.468.933	(3.907.497.509)	2.008.076.820.620	(3.995.499.637)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.976.632.013.564	(17.678.981.586)	3.371.506.019.747	(53.641.052.029)
Thành phẩm	8.962.382.970.817	(220.418.008.387)	11.242.583.143.982	(790.539.079.915)
Hàng hóa	203.393.935.832	(6.698.751.568)	827.453.242.899	(5.655.575.121)
Hàng gửi đi bán	316.550.235.004	-	522.485.132.198	(1.359.369.145)
	<b>32.260.969.330.532</b>	<b>(259.390.675.881)</b>	<b>35.727.277.739.296</b>	<b>(1.236.166.643.173)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 17.429 tỷ VND hàng tồn kho (1/1/2023: 19.244 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 18.990 tỷ VND (1/1/2023: 15.603 tỷ VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải thu về cho vay**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Phạm Minh Tân (*)	VND	6%	114.700.000.000	114.700.000.000
Nguyễn Thị Tố Hoài (**)	VND	5,5%	4.594.978.279	8.000.000.000
Ngô Xuân Cường (**)	VND	6%	-	1.500.000.000
Nguyễn Xuân Tùng (***)	VND	5% - 5,5%	79.700.000.000	-
			<b>198.994.978.279</b>	<b>124.200.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>				
Nguyễn Thị Tố Hoài (**)	VND	5,5%	101.693.561.714	101.693.561.714
			<b>101.693.561.714</b>	<b>101.693.561.714</b>

(\*) Đây là khoản cho vay đối tác cá nhân. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn trong năm 2023, được hưởng lãi suất 6%/năm và có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Các khoản cho vay này phản ánh khoản cho cá nhân vay nhằm mục đích xây dựng và đầu tư các hạng mục chuồng trại, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất mà sau đó Tập đoàn sẽ thuê lại. Theo các điều khoản của hợp đồng cho vay và hợp đồng thuê tài sản, gốc và lãi vay của các khoản cho vay này sẽ được trừ với tiền thuê trang trại trong suốt thời gian thuê.

(\*\*\*) Đây là khoản cho vay đối tác cá nhân. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn trong năm 2023, được hưởng lãi suất 5% - 5,5%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Vật nuôi VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	33.791.148.944.276	60.910.714.714.940	3.859.844.765.754	253.656.841.419	153.149.008.232	7.854.859.223	98.976.369.133.844
Tăng trong kỳ	876.478.911	146.838.747.818	5.273.649.727	20.967.153.193	-	9.039.073.667	182.995.103.316
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	251.351.470.490	913.829.917.779	10.022.602.184	502.246.430	(15.722.794.895)	51.737.044.404	1.211.720.486.392
Thanh lý và xóa sổ	(9.638.533.466)	(88.287.316.110)	(15.665.528.967)	(197.507.827)	(11.126.657.528)	-	(124.915.543.898)
Phân loại lại	-	(412.000.000)	1.277.394.454	(828.134.454)	-	(37.260.000)	-
Biến động khác	(72.415.230)	(1.606.042.552)	(150.472.316)	10.469.992	-	-	(1.818.460.106)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.033.665.944.981</b>	<b>61.881.078.021.875</b>	<b>3.860.602.410.836</b>	<b>274.111.068.753</b>	<b>126.299.555.809</b>	<b>68.593.717.294</b>	<b>100.244.350.719.548</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	6.352.534.376.382	20.837.529.786.149	1.350.609.569.864	154.894.073.958	76.560.230.622	5.087.415.333	28.777.215.452.308
Khấu hao trong kỳ	853.998.300.203	2.157.685.017.705	222.845.139.698	23.085.508.717	7.775.597.616	3.386.119.898	3.268.775.683.837
Thanh lý và xóa sổ	(9.638.533.466)	(87.019.838.026)	(12.288.726.615)	(197.507.827)	(11.126.657.528)	-	(120.271.263.462)
Phân loại lại	-	-	51.511.575	(47.630.325)	-	(3.881.250)	-
Biến động khác	(2.877.045)	(182.455.562)	(85.324.230)	1.881.129	-	-	(268.775.708)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.196.891.266.074</b>	<b>22.908.012.510.266</b>	<b>1.561.132.170.292</b>	<b>177.736.325.652</b>	<b>73.209.170.710</b>	<b>8.469.653.981</b>	<b>31.925.451.096.975</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số dư đầu kỳ	27.438.614.567.894	40.073.184.928.791	2.509.235.195.890	98.762.767.461	76.588.777.610	2.767.443.890	70.199.153.681.536
Số dư cuối kỳ	26.836.774.678.907	38.973.065.511.609	2.299.470.240.544	96.374.743.101	53.090.385.099	60.124.063.313	68.318.899.622.573



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 9.051 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 8.834 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 46.329 tỷ VND (1/1/2023: 46.291 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	246.682.797.431	153.261.937.723	344.593.342.819	744.538.077.973
Tăng trong kỳ	-	2.499.533.356	-	2.499.533.356
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.712.748.924	-	4.712.748.924
Giảm khác	-	-	(8.218.227.539)	(8.218.227.539)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>246.682.797.431</b>	<b>160.474.220.003</b>	<b>336.375.115.280</b>	<b>743.532.132.714</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	28.616.540.686	78.074.876.195	4.084.684.763	110.776.101.644
Khấu hao trong kỳ	1.418.070.390	16.295.167.612	85.039.962	17.798.277.964
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.034.611.076</b>	<b>94.370.043.807</b>	<b>4.169.724.725</b>	<b>128.574.379.608</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	218.066.256.745	75.187.061.528	340.508.658.056	633.761.976.329
Số dư cuối kỳ	216.648.186.355	66.104.176.196	332.205.390.555	614.957.753.106

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 40 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 39 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 46 tỷ VND (1/1/2023: 47 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Bất động sản đầu tư**

*Bất động sản đầu tư cho thuê*

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	803.964.314.650	55.702.700.965	859.667.015.615
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	230.555.238.655	-	230.555.238.655
Khấu hao trong kỳ	17.595.749.820	-	17.595.749.820
Số dư cuối kỳ	248.150.988.475	-	248.150.988.475
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	573.409.075.995	55.702.700.965	629.111.776.960
Số dư cuối kỳ	555.813.326.175	55.702.700.965	611.516.027.140

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn và các công ty con bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam; Khu Công nghiệp Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam.
- Quyền sử dụng đất và diện tích cho thuê thương mại bao gồm tầng hầm thuộc Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 1 tại Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội; Dự án Khu phức hợp Mandarin Garden 2 tại 493 Trương Định, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và khu Chung cư tại 70 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng cho thuê tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, bất động sản đầu tư của Tập đoàn có giá trị 16 tỷ VND (1/1/2023: 7,6 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của một Công ty con.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	13.334.320.924.143	8.289.285.350.608
Tăng trong kỳ	4.436.917.112.315	4.311.525.022.747
Lãi vay vốn hóa trong kỳ	186.161.242.888	49.883.785.063
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.211.720.486.392)	(3.426.664.460.806)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(4.712.748.924)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(147.610.932.412)	(41.866.211.701)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(11.759.468.965)	(18.130.078.364)
Biến động khác	1.318.131.244	2.066.189.801
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.582.913.773.897</b>	<b>9.166.099.597.348</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Dung Quất	12.756.793.054.275	9.430.353.764.134
Dự án nhà máy Container	1.877.498.361.642	1.563.980.305.010
Dự án Nông nghiệp	440.608.572.842	324.820.870.360
Dự án Điện máy Gia dụng	308.618.187.542	616.644.675.694
Dự án nhà máy Thép rút dây	310.815.635.007	337.419.541.564
Dự án Hưng Yên	296.066.063.047	274.374.658.077
Dự án Khu liên hợp Gang thép tại Hải Dương	281.503.431.864	598.816.769.508
Dự án mở rộng Nhà máy Ống thép	24.633.434.877	71.381.509.664
Các dự án khác	286.377.032.801	116.528.830.132
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.582.913.773.897</b>	<b>13.334.320.924.143</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 1.068 tỷ VND (1/1/2023: không có) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Chi phí trả trước**

**20.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công cụ và dụng cụ	47.566.843.258	59.481.774.221
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản	104.792.169.522	91.168.730.259
Vật liệu sử dụng cho nhiều kỳ sản xuất	93.910.162.557	17.262.441.181
Chi phí khác	118.724.742.224	152.164.524.896
	<b>364.993.917.561</b>	<b>320.077.470.557</b>

**20.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí hoạt động trước hoạt động VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	185.721.208.075	533.704.643.089	2.731.040.390.126	308.494.111.416	19.824.669.739	150.458.933.958	3.929.243.956.403
Tăng trong kỳ	38.844.167.435	38.400.935.282	81.290.318.200	1.084.122.789	1.206.120.699	35.600.278.151	196.425.942.556
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	16.584.183.029	32.004.897.992	8.758.362.016	15.961.532.585	-	74.301.956.790	147.610.932.412
Phân bổ trong kỳ	(74.402.462.450)	(89.310.472.003)	(22.220.511.892)	(6.910.377.242)	(17.829.066.553)	(43.354.378.511)	(254.027.268.651)
Biến động khác	(3.428.380.582)	807.643.478	-	-	(3.201.723.885)	2.091.094.536	(3.731.366.453)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>163.318.715.507</b>	<b>515.607.647.838</b>	<b>2.798.868.558.450</b>	<b>318.629.389.548</b>	<b>-</b>	<b>219.097.884.924</b>	<b>4.015.522.196.267</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 25 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2023: 32 tỷ VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả	47.626.292.910	43.104.605.729
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn	130.776.643.090	36.305.373.498
Khác	3.661.083.491	3.661.083.491
	<b>182.064.019.491</b>	<b>83.071.062.718</b>

**22. Lợi thế thương mại**

	<b>Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhơn Trạch VND</b>	<b>Công ty CP Xây dựng Long Việt VND</b>	<b>Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thành phố mới VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Giá gốc</b>				
Số dư đầu kỳ	195.950.665	59.880.000.000	63.565.805.699	123.641.756.364
Biến động khác	-	-	(2.446.392.687)	(2.446.392.687)
Số dư cuối kỳ	195.950.665	59.880.000.000	61.119.413.012	121.195.363.677
<b>Phân bổ lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	28.942.000.000	6.690.796.368	35.632.796.368
Biến động trong kỳ	-	2.994.000.000	609.577.965	3.603.577.965
Số dư cuối kỳ	-	31.936.000.000	7.300.374.333	39.236.374.333
<b>Giá trị ghi sổ</b>				
Số dư đầu kỳ	195.950.665	30.938.000.000	56.875.009.331	88.008.959.996
Số dư cuối kỳ	195.950.665	27.944.000.000	53.819.038.679	81.958.989.344

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Schnitzer Steel Industries, Inc.	694.031.925.876	-
Kru Oversea Limited	438.080.652.803	1.240.694.224.566
PNW Metal Recycling, Inc	346.181.360.388	-
Danieli & C. Offcine Meccaniche S.p.A	169.451.359.240	203.524.879.856
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiên Trường	100.426.018.546	281.752.354.017
Khác	11.361.070.818.512	9.381.191.465.887
	<b>13.109.242.135.365</b>	<b>11.107.162.924.326</b>

**24. Người mua trả tiền trước**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	47.918.259.576	-
Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel Việt Nam	42.145.452.580	70.734.545.640
Infrabuild Steel	1.376.219.152	146.683.950.571
7000Rr Enterprise	-	144.695.040.000
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	103.688.723.875
Khác	383.551.433.158	394.990.879.159
	<b>474.991.364.466</b>	<b>860.793.139.245</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2023		Số phải nộp/bù trừ với thuế được khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Biến động khác VND	30/6/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND				Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	189.078.699.212	609.170.321.644	(633.656.889.518)	-	425.650.100	164.592.131.338
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	478.701.807	1.672.802.467	2.830.827.128.397	(2.832.499.930.864)	-	478.701.807	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	895.394.065	92.184.694.305	(87.483.423.637)	-	-	5.596.664.733
Thuế xuất nhập khẩu	8.288.807	-	88.298.357.966	(88.754.526.130)	-	466.144.807	1.687.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.689.115.718	419.965.032.555	502.798.472.160	(416.492.334.827)	(26.163.814.160)	7.682.550.525	411.100.790.535
Thuế nhà thầu	-	21.485.150.077	53.548.998.333	(62.204.301.008)	-	-	12.829.847.402
Thuế thu nhập cá nhân	22.162.984.369	3.069.230.582	43.233.874.300	(29.056.584.733)	-	8.062.110.604	3.145.646.384
Thuế tài nguyên	-	10.163.002.000	56.087.635.774	(62.077.055.828)	-	-	4.173.581.946
Tiền thuế đất	396.427.662	5.606.700	93.274.881.947	(166.901.161.596)	-	74.787.501.571	770.400.960
Các loại thuế khác	9.068.480	2.072.674.323	77.821.255.489	(78.353.815.090)	-	9.108.480	1.540.154.722
<b>Tổng cộng</b>	<b>100.170.236.943</b>	<b>648.407.591.981</b>	<b>4.447.245.620.315</b>	<b>(4.457.480.023.231)</b>	<b>(26.163.814.160)</b>	<b>91.911.767.894</b>	<b>603.750.905.856</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí phải trả**

**26.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	260.106.468.878	252.454.295.802
Tiền điện	22.501.060.755	5.869.340.691
Chi phí khuyến mại	137.568.533.181	89.620.707.873
Chi phí phải trả cho nhà thầu	7.629.586.909	54.033.193.903
Phí vận chuyển	9.894.172.679	10.376.602.030
Lương và thưởng	1.723.210.615	2.237.848.886
Chi phí phải trả khác	119.919.286.663	45.916.557.453
	<b>559.342.319.680</b>	<b>460.508.546.638</b>

**26.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn đất khu công nghiệp	540.696.150.428	423.103.164.377
Chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	45.000.000.000	42.000.000.000
Trích trước chi phí thuê đất	66.516.982.078	66.516.982.078
	<b>652.213.132.506</b>	<b>531.620.146.455</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Phải trả khác**

**27.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hỗ trợ khách hàng	64.549.015.014	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	69.655.020.600	82.442.379.267
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng	107.918.471.537	186.834.010.427
Tài sản thừa chờ xử lý	2.983.225.600	2.702.476.305
Cổ tức phải trả	7.886.561.490	7.402.727.113
Các khoản phải trả khác	107.961.847.895	139.130.676.556
	<b>360.954.142.136</b>	<b>418.512.269.668</b>

**27.2 Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ bảo trì căn hộ	37.167.887.846	35.988.226.008
Cổ tức phải trả	871.480.033	932.539.334
Các khoản phải trả khác	22.815.845.199	24.112.355.220
	<b>60.855.213.078</b>	<b>61.033.120.562</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Vay**

**28.1 Vay ngắn hạn**

	1/1/2023		30/6/2023		
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	39.103.657.252.968	58.817.913.651.793	(53.863.141.575.798)	71.357.071.306	44.129.786.400.269
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28.2)	7.645.013.147.503	3.452.719.540.806	(3.480.066.317.331)	815.384.616	7.618.481.755.594
	<b>46.748.670.400.471</b>	<b>62.270.633.192.599</b>	<b>(57.343.207.893.129)</b>	<b>72.172.455.922</b>	<b>51.748.268.155.863</b>

Số dư vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD với giá trị tương ứng là 32.642 tỷ VND và 11.487 tỷ VND (1/1/2023: 24.834 tỷ VND và 14.270 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và USD với giá trị ghi sổ tương ứng là 25.184 tỷ VND và 2.458 tỷ VND (1/1/2023: 19.282 tỷ VND và 5.470 tỷ VND) được bảo đảm bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng (Thuyết minh 10), phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17), xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn và các tài sản hình thành trong tương lai từ một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 19), chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 20.2), quyền phải thu và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("cổ phiếu HPG") thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND chịu lãi suất từ 4,9% đến 7,8%/năm (1/1/2023: từ 3,47% đến 8,5%/năm). Các khoản vay bằng USD chịu lãi suất từ 3,8% đến 6,1%/năm (1/1/2023: từ 1,6% đến 6,1%/năm).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28.2 Vay dài hạn**

	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	16.497.421.727.410	18.796.664.351.905
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28.1)	(7.618.481.755.594)	(7.645.013.147.503)
	<b>8.878.939.971.816</b>	<b>11.151.651.204.402</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>tiền</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	3.874.401.952.435	5.199.401.952.435
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	VND	2025 - 2030	4.240.759.330.397	5.164.540.368.584
Ngân hàng BNP Paribas (i)	USD	2023	730.769.231.975	1.460.307.693.293
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (ii)	VND	2024 - 2027	4.338.510.267.257	3.482.825.007.264
Quỹ bảo vệ môi trường	VND	2025	8.112.000.000	10.118.000.000
Ngân hàng TNHH Woori – Chi nhánh Hong Kong (iii)	USD	2027	950.000.000.000	949.200.000.000
Ngân hàng TNHH Woori Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh (iv)	VND	2024 - 2026	587.666.666.667	761.750.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	2025-2026	714.684.613.997	659.896.665.647
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2026	727.517.664.682	783.624.664.682
Nguyễn Thị Tố Hoài	VND	2024	325.000.000.000	325.000.000.000
			<b>16.497.421.727.410</b>	<b>18.796.664.351.905</b>

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 200 triệu Đô la Mỹ, do Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Singapore làm đại diện cho các bên cho vay. Khoản vay được bảo lãnh bởi hai công ty con là Công ty Cổ phần Thép Hải Dương và Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát. Khoản vay này chịu lãi suất LIBOR + 2,05%/năm cho toàn bộ thời hạn vay.

Ngoại trừ khoản vay với Ngân hàng BNP Paribas như trình bày ở (i), các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng một số tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 14), tài sản cố định hữu hình và vô hình (Thuyết minh 16 và 17) và xây dựng cơ bản dở dang của một số dự án thuộc Tập đoàn (Thuyết minh 19). Bên cạnh đó, các khoản vay còn được đảm bảo bổ sung bằng một số tài sản và điều kiện cụ thể như sau:

- (ii) Khoản vay dài hạn này được bảo lãnh bởi một công ty con trong Tập đoàn và được đảm bảo bởi máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất cốc 3 và máy móc thiết bị dây chuyền điện giai đoạn 5 của một công ty con khác với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 695 tỷ VND (1/1/2023: 740 tỷ VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản là các hệ thống, các máy móc và thiết bị cụ thể nhất định cấu thành nên, gắn liền với, hoặc được sử dụng liên quan đến Nhà Máy Container của một công ty con trong Tập đoàn. Khoản vay này chịu lãi suất SOFR kỳ hạn 3 tháng + 2,25% một năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: SOFR kỳ hạn 3 tháng + 2,25% một năm).
- (iv) Khoản vay này dài hạn này được đảm bảo bởi một số bất động sản đầu tư (Thuyết minh 18).

Các khoản vay dài hạn bằng VND chịu lãi suất từ 2,6% đến 11%/năm (1/1/2023: từ 2,6% đến 8,4%/năm).

**29. Dự phòng**

	Chi phí bảo hành VND	Dự phòng khôi phục môi trường VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	26.559.456.845	36.207.636.043	62.767.092.888
Dự phòng lập trong kỳ	8.781.267.342	6.041.064.742	14.822.332.084
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(15.774)	(260.805.600)	(260.821.374)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.340.708.413</b>	<b>41.987.895.185</b>	<b>77.328.603.598</b>
<i>Trong đó:</i>			
Ngắn hạn	5.330.870.808	-	5.330.870.808
Dài hạn	30.009.837.605	41.987.895.185	71.997.732.790

**30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	1.812.955.327.314	1.740.567.096.715
Trích lập trong kỳ	62.200.000.000	761.164.438.000
Sử dụng trong kỳ	(286.941.175.990)	(579.070.154.395)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.588.214.151.324</b>	<b>1.922.661.380.320</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	44.729.227.060.000	3.211.560.416.270	(1.925.960.852)	923.549.304.122	41.763.425.970.912	154.788.720.987	90.780.625.511.439
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	1.825.000.000	1.825.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	12.249.192.668.750	(20.288.932.061)	12.228.903.736.689
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(2.236.461.353.000)	-	(2.236.461.353.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(761.164.438.000)	-	(761.164.438.000)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(12.538.683.393)	(12.538.683.393)
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	-	(73.068.300.858)	-	-	(73.068.300.858)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	(16.030.081.998)	-	-	-	(16.030.081.998)
Biến động khác	-	-	-	-	3.275.991.083	33.767.013	3.309.758.096
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	<b>44.729.227.060.000</b>	<b>3.211.560.416.270</b>	<b>(17.956.042.850)</b>	<b>850.481.003.264</b>	<b>51.018.268.839.745</b>	<b>123.819.872.546</b>	<b>99.915.401.148.975</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	<b>58.147.857.000.000</b>	<b>3.211.560.416.270</b>	<b>(20.652.355.005)</b>	<b>834.782.434.216</b>	<b>33.833.829.973.987</b>	<b>105.562.146.315</b>	<b>96.112.939.615.783</b>
Góp vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000
Giải thể Công ty con	-	-	-	-	-	(1.750.000.000)	(1.750.000.000)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.857.539.888.300	(26.485.440.436)	1.831.054.447.864
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(62.193.764.405)	(6.235.595)	(62.200.000.000)
Công ty con trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(799.893.957)	(799.893.957)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(62.193.764.405)	(6.235.595)	(62.200.000.000)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền báo cáo	-	-	(7.814.676.858)	-	-	-	(7.814.676.858)
Biến động khác	-	-	-	-	(410.376.344)	-	(410.376.344)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	<b>58.147.857.000.000</b>	<b>3.211.560.416.270</b>	<b>(28.467.031.863)</b>	<b>823.554.378.850</b>	<b>35.628.765.721.538</b>	<b>77.020.576.327</b>	<b>97.860.291.061.122</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 32. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### 33. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

#### 33.1 **Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	18.634.958.411.949	27.785.373.507.899
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	51.600.021.902.463	47.328.997.174.855
	<b>70.234.980.314.412</b>	<b>75.114.370.682.754</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	336.613.046.790	328.611.773.551
Trong vòng hai đến năm năm	884.871.479.022	980.324.692.266
Sau năm năm	397.330.962.648	427.808.012.911
	<b>1.618.815.488.460</b>	<b>1.736.744.478.728</b>

**34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	55.881.125.190.849	81.835.502.177.608
▪ Cung cấp dịch vụ	230.709.402.117	205.885.493.251
▪ Cho thuê lại đất thuê	467.078.373.673	26.658.062.895
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	85.735.627.991	38.416.628.650
▪ Khác	298.645.802	11.975.578.546
	<b>56.664.947.240.432</b>	<b>82.118.437.940.950</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(548.010.495.919)	(608.623.240.035)
▪ Giảm giá hàng bán	(247.481.211)	(120.145.657)
▪ Hàng bán bị trả lại	(31.554.098.000)	(29.493.267.215)
	<b>(579.812.075.130)</b>	<b>(638.236.652.907)</b>
Doanh thu thuần	<b>56.085.135.165.302</b>	<b>81.480.201.288.043</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	51.680.482.206.008	64.144.474.965.655
Dịch vụ đã cung ứng	163.952.873.475	115.449.066.747
Giá vốn của đất thuê	305.140.150.686	13.000.000.000
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	40.534.293.721	21.569.143.788
Giá vốn khác	377.543.525	10.794.927.024
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(976.775.967.292)	526.964.556.529
	<b>51.213.711.100.123</b>	<b>64.832.252.659.743</b>

**36. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	1.101.796.909.828	896.115.283.812
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	532.734.972.762	531.856.684.588
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	953.107.568	28.679.150
Doanh thu hoạt động tài chính khác	909.004.652	1.156.957.373
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	1.728.882.808
	<b>1.636.393.994.810</b>	<b>1.430.886.487.731</b>

**37. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.018.155.811.047	1.314.285.612.778
Chiết khấu thanh toán	7.969.910	4.733.215
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	438.570.590.322	949.687.938.144
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.435.948.259	794.060.714.249
Chi phí tài chính khác	97.825.236.309	85.834.354.758
	<b>2.671.995.555.847</b>	<b>3.143.873.353.144</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên	73.929.403.774	65.528.595.308
Chi phí khấu hao	25.635.926.305	20.626.091.310
Chi phí bảo hành	17.457.459.504	10.577.481.021
Chi phí vận chuyển	244.269.168.041	396.680.571.649
Chi phí quảng cáo	39.471.928.364	42.843.402.092
Chi phí khuyến mại	4.448.950.422	4.217.758.687
Chi phí xuất khẩu	297.077.073.752	647.219.935.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bán hàng khác	314.506.619.198	126.643.967.227
	<b>1.016.796.529.360</b>	<b>1.314.337.802.590</b>

**39. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.049.970.655	2.994.000.000
Chi phí nhân viên	179.703.511.422	153.370.116.276
Chi phí khấu hao	53.350.623.393	43.742.290.620
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	373.011.411.892	182.444.591.366
	<b>612.115.517.362</b>	<b>382.550.998.262</b>

**40. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	9.478.604.521	7.348.263.262
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	189.497.995.388	296.497.357.392
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	23.452.887.646	14.870.453.069
Thu nhập khác	114.608.869.123	125.025.189.791
	<b>337.038.356.678</b>	<b>443.741.263.514</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	1.144.097.391	-
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	176.166.687.171	296.328.852.914
Chi phí khác	132.708.286.003	82.968.359.816
	<b>310.019.070.565</b>	<b>379.297.212.730</b>

**42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	39.132.434.830.070	52.921.734.006.361
Chi phí nhân viên	1.892.512.839.476	2.930.825.017.308
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.310.540.740.587	3.354.741.889.064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.925.666.591.444	8.438.287.773.456
Chi phí khác	1.703.817.533.069	2.409.452.204.198

**43. Thuế thu nhập**

**43.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	485.739.200.637	902.031.042.662
Dự phòng thừa các kỳ trước	17.059.271.523	(17.623.763.886)
	<b>502.798.472.160</b>	<b>884.407.278.776</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(99.923.176.491)	188.133.329.770
	<b>402.875.295.669</b>	<b>1.072.540.608.546</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**43.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.233.929.743.533	13.301.444.345.235
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	55.639.860.467	53.480.937.344
Phân bổ lợi thế thương mại	6.049.970.652	2.994.000.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(986.951.115.295)	7.482.203.883
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.966.974.059	47.245.594
Giá vốn trích trước của bất động sản đã bán	-	3.000.000.000
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời khác	509.189.628.372	79.374.782.241
Thu nhập được miễn thuế	(29.997.855.601)	(6.527.130.839)
	<b>1.790.827.206.187</b>	<b>13.441.296.383.458</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	(23.892.355.838)	(23.674.881.017)
<b>Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.766.934.850.349</b>	<b>13.417.621.502.441</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	353.386.970.069	2.683.524.300.488
Ưu đãi thuế của các công ty con	(82.825.245.564)	(1.799.614.445.769)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(56.010.821)	(48.065.207.704)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	215.292.554.679	66.186.395.647
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	(99.923.176.491)	188.133.329.770
Thuế TNDN trích thừa kỳ trước	17.059.271.523	(17.623.763.886)
Biến động khác	(59.067.726)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>402.875.295.669</b>	<b>1.072.540.608.546</b>

**43.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

**44.1 Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 (Số cổ phiếu)	30/6/2022 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	5.814.785.700	4.472.922.706
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022	-	1.341.862.994
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ</b>	<b>5.814.785.700</b>	<b>5.814.785.700</b>

**44.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty (VND)	1.857.539.888.300	12.249.192.668.750
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(92.876.994.415)	(21.100.000.000)
	<b>1.764.662.893.885</b>	<b>12.228.092.668.750</b>
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)</b>	<b>5.814.785.700</b>	<b>5.814.785.700</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>303</b>	<b>2.103</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**44.3 Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND</b>
Số báo cáo trước đây	2.001
Ảnh hưởng của việc phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	102
Số điều chỉnh lại	<b>2.103</b>

**45. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>	<b>30/6/2022 VND</b>
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	27.720.000.000	-
<b>Thành viên của Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.000.800.000	3.600.000.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao, lương và thưởng	1.368.621.299	1.406.804.345



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**46. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Xuân Mai  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thị Thảo Nguyễn

